CỤC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA VIỆT NAM
TRƯỜNG CĐ NGHỀ GTVT ĐƯỜNG THỦY II

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH MÔN HỌC, MÔĐUN - HSSV CÒN NỢ

Năm học *: 2009 - 2010* ***Học kỳ*** *: 2*

Khóa học : **CĐ35** **Bậc đào tạo** : **Cao đẳng nghề**

STT	Mã số	Họ và tên		Ngày sinh	HS3_LN	TKM	Lớp học
Môn học: Chính trị							
1	C35CĐ089	Đoàn Nguyên Quốc	Trưởng	30/10/1991		2.8	C35CĐ2
2	C35CĐ044	Lê Văn	Lương	20/06/1991		2.9	C35CĐ1
Môn học: Pháp luật							
3	C35CĐ090	Lê Hoàng	Tuân	19/09/1990	4.0	5.7	C35CĐ2
4	C35CĐ022	Nguyễn Xuân	Hiểu	27/05/1991		2.0	C35CĐ1
Môn học: Giáo dục thể chất							
5	C35Đ011	Nguyễn Quàng	Nam	04/02/1991	0.0	3.6	C35Đ
Môn học: Ngoại ngữ (Anh văn)							
6	C35KT011	Đặng Hữu	Hùng	01/01/1987		2.4	C35KT
Môn học: Tin học cơ bản							
7	C35CĐ055	Lê Văn	Nghĩa	24/05/1990		2.2	C35CĐ2
8	C35CĐ056	Vũ Thế	Nguyên	30/07/1991		1.6	C35CĐ2
9	C35CĐ080	Trần Đức	Thuận	20/04/1990		0.0	C35CĐ2
10	C35ĐT009	Chu Quang	Thái	12/07/1991		3.1	C35ĐT
11	C35ĐT010	Nguyễn Phúc	Thắm	02/03/1991		2.2	C35ĐT
12	C35CĐ007	Nguyễn Thành	Châu	04/06/1991		3.1	C35CĐ1
13	C35CĐ010	Phạm Hùng	Cường	02/04/1991		3.1	C35CĐ1
14	C35CĐ017	Trương Văn Hoàng	Hảo	12/06/1991		3.8	C35CĐ1
15	C35CĐ020	Nguyễn Đức	Hiếu	25/08/1989		3.8	C35CĐ1
16	C35CĐ048	Phạm Ngọc	Nam	16/04/1989		3.1	C35CĐ1
17	C35Đ010	Nguyễn Đăng	Mùi	11/12/1991		2.7	C35Đ
18	C35Đ011	Nguyễn Quàng	Nam	04/02/1991		3.1	C35Đ
19	C35Đ020	Hà Nguyên	Vũ	04/01/1990		2.7	C35Đ
Môn học: Lý thuyết tàu 1							
20	C35ĐKB007	Phạm Bá	Hiếu	17/06/1991	4.0	5.7	C35ĐKB
21	C35ĐKB016	Nguyễn Thanh	Phi	01/07/1991	4.5	4.8	C35ĐKB

STT	Mã số	Họ và tên		Ngày sinh	HS3_LN	TKM	Lớp học
Môn học: Vật lý							
22	C35ĐKB012	Phạm Văn	Minh	28/09/1989		3.7	C35ĐKB
Môn học: Lý thuyết tàu 2							
23	C35ĐKB001	Thái Văn	Ấn	10/08/1991		0.3	C35ĐKB
24	C35ĐKB003	Hà Xuân	Anh	06/05/1991		0.9	C35ĐKB
25	C35ĐKB002	Lê Tuấn	Anh	17/12/1991		2.3	C35ĐKB
26	C35ĐKB004	Trương Công	Bộ	15/09/1989		0.6	C35ĐKB
27	C35ĐKB006	Nguyễn Quốc	Hiếu	25/03/1991	4.0	5.1	C35ĐKB
28	C35ĐKB007	Phạm Bá	Hiếu	17/06/1991	3.5	5.5	C35ĐKB
29	C35ĐKB008	Nguyễn Văn	Hoá	16/01/1990		2.0	C35ĐKB
30	C35ĐKB012	Phạm Văn	Minh	28/09/1989		1.1	C35ĐKB
31	C35ĐKB013	Nguyễn Đình	Ngọc	07/10/1990		0.6	C35ĐKB
32	C35ĐKB016	Nguyễn Thanh	Phi	01/07/1991		1.1	C35ĐKB
33	C35ĐKB018	Võ Công	Sự	26/11/1991		2.3	C35ĐKB
34	C35ĐKB022	Trần Văn	Thanh	24/04/1990		1.4	C35ĐKB
35	C35ĐKB026	Đặng Thanh	Thu	17/04/1990		2.6	C35ĐKB
36	C35ĐKB028	Hứa Văn	Tiến	25/08/1991		2.3	C35ĐKB
37	C35ĐKB029	Nguyễn Hữu	Tiến	07/02/1991		1.1	C35ĐKB
38	C35ĐKB034	Nguyễn Minh	Tuấn	20/04/1991		0.6	C35ĐKB
39	C35ĐKB035	Trịnh Viết	Tuấn	28/09/1990		1.7	C35ĐKB
40	C35ĐKB036	Thạch Quang	Vỹ	04/02/1991		1.1	C35ĐKB
Môn học: Thông hiệu hàng hải							
41	C35ĐKB012	Phạm Văn	Minh	28/09/1989		2.3	C35ĐKB
42	C35ĐKB018	Võ Công	Sự	26/11/1991		1.7	C35ĐKB
43	C35ĐKB030	Huỳnh Văn	Tiến	29/08/1991		2.0	C35ĐKB
44	C35ĐKB034	Nguyễn Minh	Tuấn	20/04/1991		2.0	C35ĐKB
Môn học: Bảo quản vỏ tàu							
45	C35ĐKB010	Đặng Huy	Huỳnh	29/08/1988	2.0	5.3	C35ĐKB
Môn học: Cấu trúc máy tính							
46	C35QM002	Phạm Minh	Cảnh	09/03/1990	3.0	5.0	C35QM
Môn học: Điện tử cơ bản							
47	C35Đ002	Đỗ Thanh	Bình	20/02/1991		3.7	C35Đ
48	C35Đ003	Nguyễn Tấn	Đạt	29/07/1989		2.3	C35Đ

STT	Mã số	Họ và tên		Ngày sinh	HS3_LN	TKM	Lớp học
49	C35Đ012	Trần Thành	Nghĩa	27/07/1991		3.5	C35Đ
Môn học: Đo lường điện tử							
50	C35ĐT011	Đinh Văn	Thuyên	07/05/1990		2.0	C35ĐT
51	C35ĐT016	Hoàng Xuân	Vũ	29/08/1989		1.6	C35ĐT
Môn học: Điện tử cơ bản							
52	C35ĐT016	Hoàng Xuân	Vũ	29/08/1989		1.8	C35ĐT
Môn học: Cơ học kết cấu							
53	C35CĐ056	Vũ Thế	Nguyên	30/07/1991		2.0	C35CĐ2
54	C35CĐ059	Dương Tuấn	Ninh	27/07/1990		1.4	C35CĐ2
55	C35CĐ064	Phạm Văn	Phước	12/11/1988		1.5	C35CĐ2
56	C35CĐ068	Nguyễn Văn	Quốc	18/12/1989		3.2	C35CĐ2
57	C35CĐ071	Nguyễn Thanh	Tâm	27/06/1988		3.7	C35CĐ2
58	C35CĐ077	Nguyễn Văn	Thọ	20/06/1990		1.4	C35CĐ2
59	C35CĐ079	Đặng Lương	Thuận	20/03/1989		2.5	C35CĐ2
60	C35CĐ080	Trần Đức	Thuận	20/04/1990		0.0	C35CĐ2
61	C35CĐ082	Đào Duy	Tin	11/12/1989		3.1	C35CĐ2
62	C35CĐ084	Hoàng Anh	Tình	06/06/1989		4.6	C35CĐ2
63	C35CĐ086	Lưu Công	Trình	15/07/1991		4.6	C35CĐ2
64	C35CĐ087	Lê Văn	Trung	10/10/1990		0.2	C35CĐ2
65	C35CĐ089	Đoàn Nguyên Quốc	Trưởng	30/10/1991		1.5	C35CĐ2
66	C35CĐ091	Ngô Xuân	Tuân	20/10/1990		3.7	C35CĐ2
67	C35CĐ092	Huỳnh Anh	Tuấn	25/04/1988		2.0	C35CĐ2
68	C35CĐ093	Lê Minh	Tuấn	17/10/1990		2.2	C35CĐ2
69	C35CĐ097	Nguyễn Quốc	Việt	27/02/1990		1.4	C35CĐ2
70	C35CĐ100	Phạm Huy	Xuân	10/08/1990		2.0	C35CĐ2
71	C35CĐ007	Nguyễn Thành	Châu	04/06/1991		3.4	C35CĐ1
72	C35CĐ008	Dương Thanh	Chung	18/10/1988		3.7	C35CĐ1
73	C35CĐ009	Phạm Chí	Công	12/08/1990		2.3	C35CĐ1
74	C35CĐ010	Phạm Hùng	Cường	02/04/1991		2.0	C35CĐ1
75	C35CĐ017	Trương Văn Hoàng	Hảo	12/06/1991		3.7	C35CĐ1
76	C35CĐ018	Phan	Hiền	01/01/1990		3.5	C35CĐ1
77	C35CĐ020	Nguyễn Đức	Hiếu	25/08/1989		2.5	C35CĐ1

STT	Mã số	Họ và tên		Ngày sinh	HS3_LN	TKM	Lớp học
78	C35CĐ022	Nguyễn Xuân	Hiểu	27/05/1991		3.2	C35CĐ1
79	C35CĐ024	Mai Anh	Hoá	19/07/1991		3.4	C35CĐ1
80	C35CĐ030	Nguyễn Thành	Hưng	20/12/1989		3.2	C35CĐ1
81	C35CĐ044	Lê Văn	Lương	20/06/1991		2.6	C35CĐ1
82	C35CĐ053	Vũ Hoài	Nam	11/10/1991		1.5	C35CĐ1
Môn học: Cơ đất - Địa chất							
83	C35CĐ089	Đoàn Nguyên Quốc	Trưởng	30/10/1991		0.0	C35CĐ2
84	C35CĐ048	Phạm Ngọc	Nam	16/04/1989		4.9	C35CĐ1
Môn học: Thủy lực - Thủy văn							
85	C35CĐ087	Lê Văn	Trung	10/10/1990		0.0	C35CĐ2
86	C35CĐ089	Đoàn Nguyên Quốc	Trưởng	30/10/1991		0.0	C35CĐ2
87	C35CĐ053	Vũ Hoài	Nam	11/10/1991		3.1	C35CĐ1
Môn học: Vật liệu xây dựng							
88	C35CĐ068	Nguyễn Văn	Quốc	18/12/1989		3.1	C35CĐ2
89	C35CĐ080	Trần Đức	Thuận	20/04/1990	0.0	3.2	C35CĐ2
90	C35CĐ089	Đoàn Nguyên Quốc	Trưởng	30/10/1991		3.5	C35CĐ2
91	C35CĐ093	Lê Minh	Tuấn	17/10/1990		3.7	C35CĐ2
92	C35CĐ016	Trần Văn	Giang	30/03/1990	3.0	6.2	C35CĐ1
Môn học: Nền móng							
93	C35CĐ056	Vũ Thế	Nguyên	30/07/1991		1.1	C35CĐ2
94	C35CĐ064	Phạm Văn	Phước	12/11/1988		2.4	C35CĐ2
95	C35CĐ066	Nguyễn Duy	Phương	07/02/1991		2.0	C35CĐ2
96	C35CĐ077	Nguyễn Văn	Thọ	20/06/1990		2.0	C35CĐ2
97	C35CĐ080	Trần Đức	Thuận	20/04/1990		2.0	C35CĐ2
98	C35CĐ089	Đoàn Nguyên Quốc	Trưởng	30/10/1991		0.0	C35CĐ2
99	C35CĐ090	Lê Hoàng	Tuân	19/09/1990		0.0	C35CĐ2
100	C35CĐ091	Ngô Xuân	Tuân	20/10/1990		0.0	C35CĐ2
101	C35CĐ092	Huỳnh Anh	Tuấn	25/04/1988		2.2	C35CĐ2
102	C35CĐ093	Lê Minh	Tuấn	17/10/1990		1.6	C35CĐ2
103	C35CĐ100	Phạm Huy	Xuân	10/08/1990		1.1	C35CĐ2
104	C35CĐ010	Phạm Hùng	Cường	02/04/1991		1.1	C35CĐ1
105	C35CĐ014	Trần Hữu	Đồng	21/06/1991		2.2	C35CĐ1

STT	Mã số	Họ và tên		Ngày sinh	HS3_LN	TKM	Lớp học
106	C35CĐ017	Trương Văn Hoàng	Hảo	12/06/1991		1.3	C35CĐ1
107	C35CĐ024	Mai Anh	Hoá	19/07/1991		0.4	C35CĐ1

Tổng số *: **107***

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2012

NGƯỜI LẬP BẢNG **TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO**